

*BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO*  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**NGUYỄN THỊ MỸ TRANG**

**GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
KHU CÔNG NGHIỆP ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC  
TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **GS. TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN THẾ TRÂM**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn  
tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng  
vào ngày 29 tháng 10 năm 2011

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong mấy thập kỷ gần đây, phát triển KCN đã có những tác động tích cực đối với nền kinh tế nói chung và công cuộc CNH - HĐH nói riêng. Vì vậy, ở mỗi quốc gia hay vùng lãnh thổ, việc phát triển các KCN là nhu cầu khách quan và đồng thời cũng là giải pháp để đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội.

Quảng Nam là một tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, diện tích tự nhiên 10.438,37 km<sup>2</sup>, dân số 1.423.537 người (2009). Từ một tỉnh thuần nông, hiện Quảng Nam đã vươn lên có tỷ trọng công nghiệp khá cao so với khi mới chia tách tỉnh (1997). Những năm gần đây, ngành công nghiệp Quảng Nam phát triển khá mạnh, góp phần đưa giá trị sản xuất toàn ngành tăng đột biến, trong đó KCN Điện Nam - Điện Ngọc được xem như là một trong hai cánh chim đầu đàn của ngành công nghiệp tỉnh nhà.

Xuất phát từ vấn đề nêu trên tôi đã lựa chọn đề tài: **“Giải pháp phát triển bền vững KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam”** làm đề tài tốt nghiệp của mình, vì nó cần thiết, phù hợp với xu thế khách quan của tỉnh Quảng Nam.

### 2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

Một là, góp phần làm rõ những vấn đề thuộc lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển KCN trên quan điểm PTBV.

Hai là, đánh giá tình hình phát triển KCN Điện Nam – Điện Ngọc trong những năm qua.

Ba là, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam theo hướng bền vững.

### 3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu:

- Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng phát triển KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam theo hướng bền vững.

- Hệ thống giải pháp PTBV KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu sự phát triển KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.
- Về thời gian: Đề tài chỉ tập trung phân tích KCN Điện Nam – Điện Ngọc trong giai đoạn 2006 -2010. Phân đề xuất giải pháp lấy mốc đến năm 2015.

#### **4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Các phương pháp được sử dụng cụ thể là:

- Hệ thống hoá các văn bản chính sách về phát triển các KCN
- Phương pháp thống kê so sánh được tác giả dùng để tính toán một số chỉ tiêu phản ánh sự PTBV KCN.

#### **5. ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI**

*Về lý luận:* Góp phần làm rõ các quan điểm phát triển bền vững KCN.

*Về thực tiễn:* đánh giá đúng thực trạng PTBV của KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam, phát hiện được những xu thế biến động về quy mô, tốc độ phát triển của các doanh nghiệp trong KCN, từ đó làm rõ những hạn chế và nguyên nhân của chúng.

Trên cơ sở những hạn chế đó, đề xuất, hoàn chỉnh thêm một số giải pháp có thể áp dụng được ở KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.

#### **6. KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI**

Nội dung của đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển bền vững KCN.

Chương 2: Thực trạng phát triển bền vững KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Một số giải pháp phát triển bền vững KCN Điện Nam – Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

#### **KHU CÔNG NGHIỆP**

### **1.1. TỔNG QUAN VỀ KHU CÔNG NGHIỆP**

#### **1.1.1. Khái niệm KCN**

*“KCN là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, do Chính phủ hoặc Thủ tướng quyết định thành lập. Trong KCN có doanh nghiệp chế xuất.”*

#### **1.1.2. Đặc điểm KCN**

#### **1.1.3. Phân loại KCN**

### **1.2. VAI TRÒ CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KCN**

**1.2.1. PTBV KCN là đầu mối quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư trong nước, đặc biệt là vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI)**

**1.2.2. PTBV KCN góp phần tạo công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo**

**1.2.3. Nâng cao năng lực công nghệ quốc gia và chất lượng nguồn nhân lực**

**1.2.4. Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá**

**1.2.5. Giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường**

### **1.3. NỘI DUNG VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHU CÔNG NGHIỆP**

#### **1.3.1. Quan niệm phát triển bền vững**

##### **1.3.1.1. Quan niệm PTBV trên thế giới**

*“Phát triển bền vững là sự phát triển vừa đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng tiếp cận của các thế hệ tương lai”.*

Theo đó, các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường được lồng ghép với nhau

Ủy ban PTBV của Liên Hợp Quốc (CDS) đã bổ sung một khía cạnh thứ tư của PTBV, đó là thể chế. Bốn khía cạnh này hiện nay là khuôn khổ báo cáo về thực hiện Chương trình nghị sự 21..

### ***1.3.1.2. Quan niệm PTBV ở Việt Nam***

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về PTBV đã được phản ánh đầy đủ nhất trong chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam: “*Mục tiêu tổng quát của PTBV là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hoá, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hoà giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường*”.

### **1.3.2. Nội dung PTBV các KCN**

Phát triển bền vững KCN là sự phát triển đảm bảo tăng trưởng kinh tế ổn định, gắn liền với việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống, cũng như yêu cầu về ổn định xã hội, an ninh quốc phòng trong khu vực có KCN cũng như toàn lãnh thổ quốc gia. Như vậy, PTBV KCN phải được xem xét trên hai góc độ:

***1.3.2.1. Bảo đảm duy trì tính ổn định và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ của bản thân KCN***

***1.3.2.2. Tác động lan toả tích cực của KCN đến các hoạt động KTXH, môi trường của địa phương, khu vực có KCN***

### **1.3.3. Mục tiêu phát triển bền vững KCN**

#### ***1.3.3.1. Về kinh tế***

- Nâng cao không ngừng tính hiệu quả, hàm lượng khoa học công nghệ; sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
- Thay đổi mô hình và công nghệ sản xuất, mô hình tiêu dùng theo hướng sạch hơn, thân thiện với môi trường.

#### ***1.3.3.2. Về xã hội***

- Tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Cải thiện chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các điều kiện lao động, vệ sinh môi trường sống cho người lao động.

### **1.3.3.3. Về môi trường**

- Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản, chống thoái hoá tài nguyên đất.
- Bảo vệ môi trường nước và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước.
- Giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp.
- Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

### **1.3.4. Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững KCN**

#### **1.3.4.1. Các tiêu chí đánh giá PTBV về kinh tế của các KCN**

##### **\*Tiêu chí đánh giá PTBV kinh tế nội tại KCN**

- (1) Vị trí đặt của KCN
- (2) Quy mô diện tích, cơ cấu sử dụng đất trong KCN
- (3) Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê trên diện tích đất tự nhiên
- (4) Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp
- (5) Sự gia tăng ổn định về mặt sản lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN
- (6) Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong KCN
- (7) Trình độ công nghệ và ứng dụng công nghệ trong các doanh nghiệp của KCN
- (8) Phạm vi, qui mô hoạt động, trình độ chuyên môn hoá và liên kết kinh tế
- (9) Tiêu chí phản ánh độ thoả mãn các nhu cầu nhà đầu tư

##### **\* Tiêu chí đánh giá PTBV về kinh tế của vùng có KCN**

- (1) Đóng góp của KCN vào tăng trưởng kinh tế địa phương:
- (2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương có KCN.
- (3) Tác động của KCN đến hạ tầng kỹ thuật địa phương:

#### **1.3.4.2. Các tiêu chí đánh giá PTBV về xã hội các KCN**

**\*Các vấn đề xã hội của địa phương bị ảnh hưởng bởi việc phát triển KCN**

- (1) Chuyển dịch cơ cấu lao động địa phương.
- (2) Thay đổi về đời sống người dân địa phương.
- (3) An ninh, trật tự bên trong và ngoài hàng rào KCN.

**\*Nhóm tiêu chí về đời sống của người lao động trong KCN**

- (1) Thu nhập của người lao động.
- (2) Đời sống vật chất của người lao động trong KCN.
- (3) Đời sống tinh thần của người lao động trong KCN:

**1.3.4.3. Các tiêu chí đánh giá PTBV về môi trường các KCN**

**\*Các tiêu chí đánh giá việc xử lý nước thải các KCN**

- Quy mô và tốc độ tăng lượng nước thải KCN ra môi trường
- Các chỉ số phản ánh chất lượng xử lý nguồn nước thải từ KCN ra môi trường: Tỷ lệ số KCN đạt tiêu chuẩn xả thải...

- Tỷ lệ, số lượng KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung

**\*Các tiêu chí đánh giá việc xử lý chất thải rắn các KCN**

- Tỷ lệ, số lượng KCN có hệ thống xử lý, phân loại chất thải rắn.
- Khối lượng chất thải rắn từ các hoạt động sản xuất KCN được thu gom và xử lý, đặc biệt là các chất thải rắn nguy hại.

- Tỷ lệ rác thải KCN được chôn lấp:

**\*Các tiêu chí đánh giá vấn đề ô nhiễm về không khí**

- Các chỉ số phản ánh chất lượng không khí trong và ngoài KCN, bị tác động từ hoạt động sản xuất của KCN: Nồng độ khí độc SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, Ozone, CO, nồng độ bụi lơ lửng (TSP); chì...

- Vấn đề đầu tư và vận hành các trang thiết bị xử lý ô nhiễm không khí của các doanh nghiệp trong KCN.

## **1.4. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

### **1.4.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên**

Vị trí địa lý hết sức quan trọng trong quá trình thu hút sự phát triển của các KCN.

### **1.4.2. Chất lượng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của vùng**



Cơ sở hạ tầng là điều kiện quan trọng cho sự phát triển bền vững về kinh tế của các KCN.

### **1.4.3. Cơ chế chính sách đối với sự phát triển bền vững KCN**

Môi trường cơ chế chính sách đóng vai trò quan trọng đối với sự thành công hay thất bại của việc phát triển KCN.

### **1.4.4. Nguồn lao động đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng**

Nguồn nhân lực có chất lượng là nền tảng cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp của KCN..

## **1.5. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHU CÔNG NGHIỆP**

### **1.5.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản**

### **1.5.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc**

### **1.5.3. Bài học vận dụng cho PTBV KCN Điện Nam – Điện Ngọc**

*Một là, cần có quy hoạch mang tính đồng bộ.*

*Hai là, cần nắm vững xu thế chuyển đổi mô hình phát triển KCN theo hướng hiện đại*

*Ba là, Xu thế chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ KCN theo hướng hiệu quả, phù hợp với trình độ khoa học công nghệ hiện đại.*

*Bốn là, Phát triển KCN phải đồng bộ với các yếu tố cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, môi trường trong bản thân KCN, khu vực có KCN.*

*Năm là, Vấn đề quản lý KCN*

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

### **KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC, QUẢNG NAM**

## **2.1. TỔNG QUAN VỀ KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**

### **2.1.1. Vị trí địa lý**

Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc nằm về phía đông nam và cách trung tâm TP. Đà Nẵng 18 km, thuộc địa phận xã Điện Nam và xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn...

### **2.1.2. Cơ sở hạ tầng KCN Điện Nam - Điện Ngọc**

Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc đã cơ bản hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng và lấp đầy 100% diện tích giai đoạn I (145 ha). Hiện nay, đang đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giai đoạn II (245 ha) và đã lấp đầy trên 60% diện tích.

### **2.1.3. Hạ tầng và dịch vụ**

## **2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC, TỈNH QUẢNG NAM**

### **2.2.1. Thực trạng PTBV về kinh tế**

#### **2.2.1.1. PTBV về kinh tế nội tại KCN**

##### *a. Vị trí đất KCN*

Nhìn chung KCN Điện Nam – Điện Ngọc được đặt ở vị trí tương đối hợp lý: vùng đất nông nghiệp kém màu mỡ, năng suất không cao; gần khu vực có nhiều tài nguyên thiên nhiên sản xuất vật liệu xây dựng; thuận tiện về giao thông cũng như hạ tầng kỹ thuật khác.

##### *b. Quy mô diện tích, cơ cấu sử dụng đất KCN*

KCN Điện Nam – Điện Ngọc được quy hoạch và xây dựng với một cơ cấu sử dụng đất khá hợp lý, đảm bảo tính bền vững.

##### *c. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê trên diện tích đất tự nhiên*

Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê trên diện tích đất tự nhiên của KCN đạt 64,4%, tỷ lệ này là khá hợp lý.

##### *d. Tỷ lệ lấp đầy KCN*

Tính đến 30/06/2010, tỷ lệ lấp đầy của KCN này đạt 74%, cao hơn tỷ lệ lấp đầy bình quân của khu vực.

##### *e. Tăng trưởng GTSX và đóng góp với ngân sách nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN*

KCN Điện Nam – Điện Ngọc đang có sự phát triển nhanh về tốc độ tăng trưởng GTSX, từ đó KCN đã có những đóng góp tích cực vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh nhà.

**Bảng 2.1: Tăng trưởng GTSX các doanh nghiệp KCN Điện Nam – Điện Ngọc**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

2006	2007	2008	2009	2010	Tăng trưởng BQ 2006-2010
1.270,061	1.670,871	2.161,602	2.664,788	3.330,175	27,25%

- Về đóng góp với NSNN:

**Bảng 2.2: Đóng góp NSNN của KCN Điện Nam – Điện Ngọc giai đoạn 2006 – 2010**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

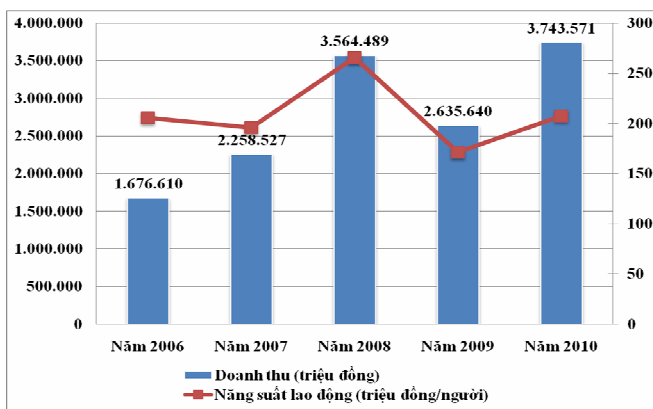
Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
24,794	88,646	64,161	152,376	164,752

Đây là kết quả rất tích cực cho thấy kết quả sản xuất của các doanh nghiệp khá ổn định, có quy mô ngày càng tăng.

*g. Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN*

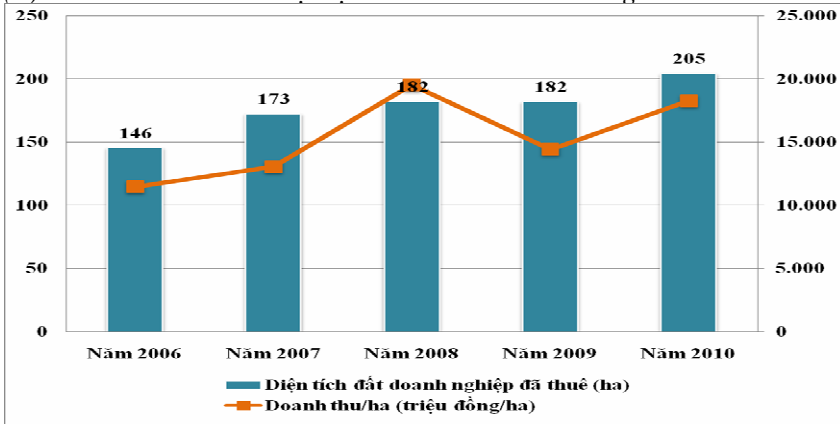
*(i) Năng suất lao động của doanh nghiệp trong KCN*

Trên thực tế, tổng doanh thu của KCN Điện Nam – Điện Ngọc thấp hơn nhiều so với các KCN khác của cả nước.



### Hình 2.1: Doanh thu và NSLĐ KCN Điện Nam – Điện Ngọc

(ii) Doanh thu trên đơn vị diện tích đất sản xuất trong KCN



**Hình 2.2: Doanh thu/ha của các doanh nghiệp KCN Điện Nam – Điện Ngọc**

Tóm lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN Điện Nam – Điện Ngọc, cụ thể được thể hiện qua hai chỉ tiêu năng suất lao động và doanh thu trên một đơn vị diện tích đất sản xuất, tuy không cao song đã đóng góp rất lớn cho sự tăng trưởng kinh tế huyện nhà.

*h. Trình độ công nghệ của doanh nghiệp*

**Bảng 2.3: Quy mô bình quân một dự án đăng ký đầu tư tại KCN Điện Nam - Điện Ngọc giai đoạn 2006 – 2010.**

Năm	Tổng số dự án đăng ký		Vốn đăng ký		Quy mô VĐT bình quân/ 1 dự án	
	FDI	DDI	FDI (tr.USD)	DDI (tỷ đồng)	FDI (tr.USD)	DDI (tỷ đồng)
2006	0	1	0	69	0	69
2007	5	1	55,586	15,176	11,12	15,176
2008	3	1	31,325	28	10,44	28
2009	0	0	0	0	0	0
2010	2	4	145	62	5	72,5

Tính đến nay, đa số tổng số vốn đầu tư vào KCN do chủ đầu tư đến từ Trung Quốc. Các nhà đầu tư đến từ các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Hoa Kỳ, EU còn ít. Bên cạnh đó, các dự án FDI đầu tư vào KCN chủ yếu có quy mô vốn nhỏ.

Một số doanh nghiệp có đầu tư công nghệ từ Mỹ, EU ...nhưng công nghệ còn mang tính chấp vá, chưa đồng bộ.

**Bảng 2.4: Tỷ lệ vốn thực hiện/lao động KCN Điện Nam – Điện Ngọc**  
(*Tính hết năm 2010*)

Vốn thực hiện			Tổng số lao động (người)	Vốn thực hiện/lao động (1000 USD/ng)
Doanh nghiệp FDI, triệu USD	Doanh nghiệp DDI, tỷ đồng	Tổng quy đổi, triệu USD*		
116,664	2.077,793	232,096	16.855	13,77

(\* ) Ghi chú: Tác giả quy đổi USD/VND bình quân là 18.000

Với chỉ số quy mô vốn đầu tư bình quân trên một lao động, tính chung cho các doanh nghiệp KCN Điện Nam – Điện Ngọc là 13,77nghìn USD/ lao động. Chỉ tiêu này không cao so với các KCN khác, thấp hơn so với trung bình của cả nước là 46,66 nghìn USD/lao động.

*i. Hoạt động liên kết sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN*

Mô hình liên kết cao chưa nhiều vì hầu hết các sản phẩm sản xuất trong KCN là các mặt hàng không liên quan đến nhau như: may mặc, thức ăn gia súc, gạch ngói...nên không thể hợp tác, phát huy sức mạnh hợp tác của các doanh nghiệp.

*k. Đánh giá tính hấp dẫn của KCN*

(i) *Chất lượng cấp điện:* (dựa trên số lần cắt điện và cường độ dòng điện) tại các doanh nghiệp trong KCN Điện Nam – Điện Ngọc là khá tốt.

(ii) *Chất lượng cấp nước:* tại KCN Điện Nam – Điện Ngọc là khá tốt,

(iii) *Chất lượng dịch vụ hạ tầng trong KCN:* là khá cao.

(iv) *Chất lượng dịch vụ hạ tầng ngoài KCN:* còn thấp.

(v) *Năng lực các ngành công nghệ phụ trợ:* được đánh giá là khá thấp.

(vi) *Về khả năng tuyển dụng lao động đã qua đào tạo:* tại các doanh nghiệp ở KCN Điện Nam – Điện Ngọc là không cao.

(vii) *Về giá nhân công:* trên thực tế có sự chênh lệch lớn giữa lao động đã qua đào tạo và lao động chưa qua đào tạo.

### **2.2.1.2. PTBV về kinh tế đối với vùng có KCN**

#### **a. Đóng góp của KCN vào tăng trưởng kinh tế địa phương**

(i) *Đóng góp vào GTSX công nghiệp địa phương:* Quy mô GTSX công nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong KCN Điện Nam – Điện Ngọc đã có đóng góp khá lớn vào địa phương mình

**Bảng 2.5: GTSX Huyện Điện Bàn và GTSX KCN**

**Điện Nam – Điện Ngọc giai đoạn 2006 – 2010.**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

	2006	2007	2008	2009	2010
GTSX	1.498,304	1.960,625	2.511,593	3.026,417	3.869
GTSX KCN	1.270,061	1.670,871	2.161,602	2.664,788	3.330,175
Tỷ lệ (%)	84,77	85,22	86,06	88,05	86,07

(ii) *Đóng góp vào kim ngạch xuất nhập khẩu*

Xét các đóng góp của KCN vào nền kinh tế địa phương theo đơn vị sử dụng đất, có thể thấy mỗi ha đất KCN của địa phương đem lại GTSX công nghiệp gần 637 nghìn USD (tức 0,6369 triệu USD).

#### **b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương có KCN**

Đối với Huyện Điện Bàn, từ năm 2006 đến nay đã có sự dịch chuyển về cơ cấu ngành kinh tế khá mạnh mẽ theo hướng phát triển. Cụ thể, tỷ trọng ngành công nghiệp đã tăng mạnh từ 66,5% năm 2005 lên 73,85% năm 2009. Ngược lại, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm mạnh, đến năm 2009 chỉ còn 8,27% của toàn Huyện. Tỷ trọng ngành dịch vụ cũng tăng nhưng không nhiều, năm 2009 chiếm 17,88%.

Từ đó, có thể đánh giá KCN đã góp phần tích cực vào việc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

*c. Tác động đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa phương*

Sự phát triển các KCN đã có những tác động rất lớn đến việc phát triển về số lượng và cải thiện chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật – xã hội của Huyện Điện Bàn. Nhờ đó, diện mạo hạ tầng nông thôn của Huyện Điện Bàn - nơi có KCN đã thay đổi một cách nhanh chóng.

**2.2.1.3. Những kết quả đạt được trong phát triển bền vững về kinh tế**

*a. Các vấn đề về bền vững nội tại KCN*

Hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN là khá cao, hơn hẳn so với các doanh nghiệp ngoài KCN.

Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trong KCN là khá cao.

Qui mô sản xuất cũng như đóng góp ngân sách của KCN ngày càng cao.

NSLĐ ngày càng được cải thiện.

Hạ tầng trong KCN, đặc biệt là hạ tầng kinh tế, hạ tầng giao thông được đánh giá là khá tốt.

*b. Các vấn đề về bền vững với địa phương có KCN chiếm đóng*

Cơ sở hạ tầng hiện đại, thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Cơ sở hạ tầng bên ngoài KCN cũng được nâng cấp.

KCN là nơi đào tạo thực tế hàng nghìn nông dân, lao động địa phương thành những người công nhân.

KCN đã có những đóng góp quan trọng trong việc mở rộng quy mô nền kinh tế địa phương.

Việc xây dựng KCN góp phần tạo ra các ngành công nghiệp mới...

**2.2.1.4. Những tồn tại về kinh tế**

Hoạt động liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong KCN và giữa các KCN khác nói chung còn thấp.

Thiếu sự liên kết trong phát triển KCN giữa các địa phương

trong vùng, điều này dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong thu hút đầu tư vào KCN, làm ảnh hưởng đến chất lượng KCN.

Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, làm giảm khả năng cạnh tranh với các KCN trong khu vực.

### ***2.2.1.5. Nguyên nhân của những tồn tại trên***

Giai đoạn 2006 -2010, cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư của tỉnh không còn, cộng với sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm kinh tế trong nước.

Sự thiếu chủ động, thiếu gắn kết giữa BQL KCN địa phương trong vùng khiến cho hoạt động thu hút đầu tư trong KCN còn thấp.

Sự thiếu quan tâm từ phía địa phương, chủ đầu tư hạ tầng KCN trong việc đào tạo người lao động địa phương.

## **2.2.2. Thực trạng PTBV về xã hội**

### ***2.2.2.1. Các vấn đề xã hội của địa phương bị ảnh hưởng bởi KCN***

#### ***a. Chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương có KCN***

Những năm qua, KCN Điện Nam – Điện Ngọc đã tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương (khoảng 60% lao động địa phương làm việc trong KCN), nâng tỷ trọng lao động công nghiệp từ 28,07% năm 2006 lên 31,55% năm 2010..

#### ***b. Thực trạng đời sống vật chất của người dân bị thu hút làm KCN***

Đời sống của người nông dân có sự phân hoá khá rõ rệt, nhiều người đời sống khá lên, nhiều người lại trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, một số hộ trước mắt thì đời sống cao hơn nhưng còn có thể tiềm ẩn những khó khăn trong tương lai.

#### ***c. Thực trạng về trật tự, an ninh ở các địa phương có KCN***

Vấn đề an ninh trật tự tại KCN Điện Nam – Điện Ngọc cũng tương đối được đảm bảo. Đồn công an được xây dựng ngay trong KCN nên những năm vừa qua số vụ gây rối trật tự công cộng, tệ nạn xã hội... hầu như giảm một cách đáng kể.

#### ***2.2.2.2. Thực trạng đời sống của người lao động trong KCN***



*a. Thực trạng thu nhập của người lao động ở KCN Điện Nam – Điện Ngọc*

Mức thu nhập bình quân của công nhân đạt 1,2 -1,7 triệu đồng/tháng (năm 2010). Mức thu nhập trên 2 triệu đồng/tháng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, chủ yếu là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư trong các doanh nghiệp. Nhìn chung, mức thu nhập này nhỉnh hơn so với thu nhập của người nông dân hay công nhân ngoài KCN.

*b. Thực trạng đời sống vật chất của người lao động tại KCN Điện Nam – Điện Ngọc*

*\* Chỗ ở cho người lao động*

Nhà ở cho người lao động tại KCN chủ yếu là nhà trọ do các hộ gia đình, cá nhân tự đầu tư chủ yếu là nhà cấp IV hoặc nhà tạm thiếu tiện nghi. Các phòng trọ có diện tích bình quân 3-4/m<sup>2</sup>/người, thiếu ánh sáng, không khí...

Hiện tại, Quảng Nam đã có chủ trương cho nhà đầu tư xây dựng khu nhà ở tập trung cho công nhân tại KCN Điện Nam – Điện Ngọc với diện tích 18.280m<sup>2</sup>. Dự án được triển khai từ nay đến năm 2012.

*\*Các phương tiện phục vụ đời sống:* đời sống vật chất của người lao động là rất khó khăn.

*c. Thực trạng đời sống tinh thần của người lao động tại KCN Điện Nam – Điện Ngọc*

Đời sống tinh thần của người lao động cũng rất nghèo nàn.

**2.2.2.3. Những kết quả đạt được trong phát triển bền vững về xã hội**

Tạo cơ hội nâng cao thu nhập cho một bộ phận người dân địa phương.

Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nói chung được cải thiện.

Cơ sở hạ tầng Huyện Điện Bàn được nâng cấp rõ rệt...

**2.2.2.4. Những tồn tại về xã hội**

*a. Các vấn đề xã hội của địa phương có KCN bị ảnh hưởng bởi quá trình phát triển KCN*

Một số lao động bị mất đất chưa tìm được việc làm phù hợp, ổn định..

Tình trạng an ninh trật tự trong KCN và địa phương có KCN ngày càng trở nên phức tạp hơn.

#### *b. Các vấn đề về đời sống, việc làm của công nhân lao động trong KCN*

Thu nhập của người lao động trong KCN nói chung còn thấp, không ổn định, chỉ đủ các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, rất ít có tích lũy.

Chỗ ở của người lao động khá tạm bợ...

#### **2.2.2.5. Nguyên nhân của những tồn tại trên**

Nhiều doanh nghiệp không có quan điểm và trách nhiệm trong việc thu hút lao động địa phương.

Quy hoạch, kế hoạch phát triển KCN, thu hồi đất nông nghiệp nói chung chưa gắn với quy hoạch chính sách chuyển đổi nghề...

Thiếu sự chăm lo, quan tâm thoả đáng từ chính quyền địa phương, BQL KCN và các doanh nghiệp... Thiếu sự giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về điều kiện lao động, tuân thủ các quy định về tiền lương, làm thêm giờ, đóng BHXH của người lao động...

Người lao động trong các doanh nghiệp phần lớn là lao động giản đơn, có tay nghề thấp.

### **2.2.3. Thực trạng về môi trường**

#### **2.2.3.1. Thực trạng về môi trường KCN**

##### *(1)Thực trạng xử lý nước thải tại KCN*

Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc hiện có 44 dự án đầu tư, trong đó có 8 nhà máy có hệ thống xử lý nước thải sản xuất sơ bộ. Tuy nhiên, công tác vận hành của các hệ thống này chưa thật sự nghiêm túc. Hiện nay, tại KCN đang có 38 doanh nghiệp hoạt động ổn định, lượng nước thải ra khoảng 2.700 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải của các nhà máy trong KCN xử lý đạt loại B QCVN 24:2009/BTNMT tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

Một vài thông số ô nhiễm nguồn nước tại công thái KCN còn cao, vượt trên mức tiêu chuẩn, song ta thấy việc ô nhiễm nguồn nước đang dần được cải thiện qua các năm.

*(2) Thực trạng xử lý chất thải rắn tại KCN*

Toàn bộ rác thải thông thường phát sinh trong KCN được nhà máy tự thu gom, phân loại, lưu trữ và ký kết hợp đồng với Công ty môi trường đô thị Quảng Nam vận chuyển xử lý triệt để. Đối với chất thải rắn nguy hại, đơn vị chủ nguồn thải tự thu gom tại cơ sở mình rồi hợp đồng với các đơn vị chức năng ngoài tỉnh vận chuyển và việc xử lý cũng không nằm trên địa bàn tỉnh.

*(3) Thực trạng vấn đề ô nhiễm không khí tại KCN*

Nồng độ bụi, các khí độc NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> trong năm 2010 tồn tại ở mức thấp và nằm trong giới hạn cho phép. Môi trường không khí tại KCN chưa có biểu hiện ô nhiễm, hiện tượng ô nhiễm SO<sub>2</sub> cục bộ diễn ra ở một số năm nhưng nhìn chung đều nằm trong mức độ cho phép.

**2.2.3.2. Thực trạng về môi trường tại địa phương có KCN**

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh tăng đáng kể.

Hiện tượng ô nhiễm bụi vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Đó cũng chính là hậu quả của việc phát triển KCN.

**2.2.3.3. Các kết quả đạt được về môi trường**

Hệ thống pháp luật về BVMT ngày càng hoàn thiện theo hướng đi sâu vào thực tế và có tính khả thi hơn.

Góp phần hạn chế đáng kể mức độ ô nhiễm môi trường.

Bước đầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm BVMT của các doanh nghiệp trong KCN.

**2.2.3.4. Những tồn tại về môi trường**

Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách về kiểm soát và xử lý môi trường khá nhiều song chưa đủ mạnh.

Việc quản lý môi trường còn lỏng lẻo, chưa xử lý nghiêm.

**2.2.3.5. Nguyên nhân của những tồn tại trên**

Hệ thống pháp luật BVMT khá đầy đủ nhưng ít được phổ biến tại địa phương có KCN. Hệ thống TCVN, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật môi trường còn thiếu dẫn đến tình trạng không khả thi kéo dài. Việc quản lý, phân cấp công tác môi trường còn chưa rõ ràng.

Chi phí đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống xử lý chất thải rất lớn.

Công tác quản lý và xử lý vi phạm và tổ chức thực hiện dự án chống ô nhiễm còn yếu kém.

## **2.2.4. Đánh giá chung về hệ thống chính sách đối với KCN**

### **2.2.4.1. Các kết quả đạt được về chính sách đối với KCN**

Hệ thống cơ chế chính sách đối với KCN ngày càng hoàn thiện theo tính minh bạch, cụ thể và tính khả thi ngày càng cao.

### **2.2.4.2. Những tồn tại về chính sách**

Công tác cải cách hành chính chưa đi vào chiều sâu...

Chính sách giải phóng mặt bằng với các hướng dẫn đền bù giải toả chủ yếu đưa ra các chỉ dẫn định tính, khó áp dụng.

Chính sách lao động trong KCN còn thụ động , tồn tại nhiều điểm bất hợp lý...

### **2.2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên**

Việc cụ thể hoá và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ về phát triển KCN còn chậm và thiếu sự đồng bộ giữa các ngành và các cấp.

Nhận thức của các nhà hoạch định chính sách về PTBV KCN còn chưa thật đầy đủ, đúng đắn.

## **CHƯƠNG 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

#### **KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**

### **3.1. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**

#### **3.1.1. Thuận lợi**

Nhờ sự quán triệt, quan tâm của lãnh đạo tỉnh, các cấp các ngành

chức năng ..

Tiềm năng triển vọng trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào KCN cũng như trên địa bàn toàn tỉnh.

Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới WTO; Xu thế toàn cầu hoá ngày càng diễn ra sâu rộng.

### **3.1.2. Khó khăn**

Sự cạnh tranh trong việc xây dựng, thu hút đầu tư vào KCN trong và ngoài nước.

Các chính sách về đầu tư, về phát triển KCN vẫn còn nhiều điểm bất cập và hay thay đổi, chưa có tính chiến lược, lâu dài.

Vấn đề cung ứng lao động, đặc biệt là lao động có tay nghề cao, cho KCN trong tương lai.

Chưa có sự liên kết, hợp tác với các địa phương khác trong quy hoạch, xây dựng và phát triển KCN cũng như hoạt động kêu gọi xúc tiến đầu tư.

## **3.2. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**

### **3.2.1. Định hướng phát triển KCN Điện Nam- Điện Ngọc**

Thứ nhất, Tập trung phát triển KCN theo hướng ổn định, bền vững.

Thứ hai, Khuyến khích các ngành sản xuất công nghiệp có quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động, có trình độ công nghệ, kỹ thuật cao.

Thứ ba, Thực hiện thu hút vốn đầu tư có trọng điểm, ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh .

Thứ tư, Tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế.

### **3.2.2. Mục tiêu phát triển KCN Điện Nam- Điện Ngọc**

- Phân đầu xây dựng và phát triển KCN an toàn, toàn diện và hiệu quả trên các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, lao động, môi trường...

- Có cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư vào KCN. Phối hợp cùng với các đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thu hút và lấp đầy 100% diện tích đất giai đoạn 2; đồng thời phát triển các công trình tiện ích phục vụ KCN.

- Tiếp tục chọn đơn vị đầu tư xây dựng phòng khám đa khoa để kịp thời đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người lao động. Theo dõi, thúc đẩy thực hiện dự án nhà ở cho công nhân lao động.

- Đôn đốc tiến độ xây dựng của các dự án.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp ở mức cao, bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Giải quyết việc làm mới cho hơn 3.000 người.

### **3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**

#### **3.3.1. Nhóm giải pháp PTBV về kinh tế**

##### ***3.3.1.1. Nâng cao tính hấp dẫn và thúc đẩy thu hút đầu tư***

- Cần quảng bá điểm khác biệt của KCN Điện Nam – Điện Ngọc so với các KCN khác, phát huy “giá trị cộng thêm” của KCN ...

- Cần tiếp tục xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng của KCN.

- Tạo điều kiện giảm thiểu chi phí kinh doanh cho các nhà đầu tư vào KCN.

- Nhà nước phải tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thân thiện và cạnh tranh bình đẳng, đảm bảo các chế độ ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư vào KCN.

- Đơn giản hóa mọi thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa, tại chỗ”.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp đầu tư vào KCN. Hạn chế tối đa việc cấp phép cho các dự án ngoài KCN.

- Thành lập quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ xuất khẩu, quỹ khuyến công, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh.

Ngoài ra, cần phải mở rộng, đa dạng hóa và chuyên nghiệp hóa công tác xúc tiến đầu tư và thương mại. Phát triển kinh tế đối ngoại và mở rộng thị trường toàn cầu.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành và các địa phương trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, trao đổi kinh nghiệm thu hút đầu tư...

### ***3.3.1.2. Tăng cường liên kết doanh nghiệp và phát triển công nghiệp hỗ trợ***

Cần có chính sách khuyến khích thu hút ĐTNN cũng như các nhà đầu tư trong nước vào KCN một cách công khai, minh bạch.

Cần có các chính sách giảm chi phí và tăng phần bù đắp cho việc hình thành các liên kết cho cả doanh nghiệp có vốn ĐTNN và các doanh nghiệp địa phương. Khuyến khích các nhà đầu tư có thành tích trong việc tạo ra mạng lưới hỗ trợ doanh nghiệp...

Cần có các giải pháp hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp địa phương.

Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nhân lực cho việc xây dựng và củng cố các liên kết...

### ***3.3.1.3. Hoàn thiện chính sách đảm bảo nguồn lao động cho KCN***

Trên cơ sở quy hoạch, định hướng phát triển các ngành nghề của huyện... để tổ chức đào tạo lao động một cách hợp lý.

Ban quản lý KCN cần có sự năng động, linh hoạt trong mối quan hệ với các nhà đầu tư.

Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp trong KCN tự đào tạo lao động.

Ngoài ra, trong tương lai cần phát triển các phương tiện giao thông công cộng...

### ***3.3.1.4. Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật***

Phải có chính sách đền bù, hỗ trợ thỏa đáng đi kèm với thiết lập khu dân cư mới, quy hoạch bố trí lại đất sản xuất nông nghiệp, có kế hoạch chuyển đổi ngành nghề thích hợp cho người dân.

Từng bước thiết lập các hạng mục công trình hạ tầng theo khả năng, nhưng phải đảm bảo chú ý tính đồng bộ một cách tương đối.

Bên cạnh đó, cần chú ý hạ tầng ngoài hàng rào mang tính phục vụ KCN và các công trình dịch vụ xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển của KCN.

### **3.3.2. Nhóm giải pháp PTBV về xã hội**

#### **3.3.2.1. Giải pháp nâng cao đời sống cho người lao động trong KCN**

Nhà nước cần có chính sách tạo cơ chế thuận lợi để huy động các nguồn lực xã hội đầu tư giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc về đời sống của người lao động. Cần xây dựng các công trình phúc lợi xã hội như: bệnh viện, siêu thị, nhà văn hoá, khu vui chơi giải trí, văn hoá thể thao...

#### **3.3.2.2. Phát triển các khu đô thị ở khu vực có KCN**

Nhà nước và địa phương cùng phối hợp đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư và các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng để dự án Đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc sớm đi vào hoạt động.

### **3.3.3. Nhóm giải pháp nhằm tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường**

#### **3.3.3.1. Giải pháp đối với doanh nghiệp**

(i) *Đối với doanh nghiệp phát triển hạ tầng KCN*

- Giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích – chi phí để đầu tư hệ thống xử lý chất thải cho riêng từng doanh nghiệp trong KCN.

- Định kỳ tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức BVMT cho các doanh nghiệp và công nhân lao động trong KCN.

- Liên kết với các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực xử lý môi trường cùng tham gia đầu tư hệ thống xử lý chất thải tập trung trong KCN.



*(ii) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong KCN*

- Tăng cường nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cho cán bộ công nhân viên chức trong bộ máy quản lý Nhà nước.

- Hình thành thói quen BVMT đối với từng cán bộ và công nhân viên trong doanh nghiệp.

- Học hỏi kinh nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất đi trước, liên kết với các đơn vị chuyên thực hiện các dịch vụ xây dựng, lắp đặt và cung cấp thiết bị BVMT để đầu tư công trình xử lý chất thải hiệu quả, tiết kiệm.

- Xây dựng phương án cụ thể về phòng cháy chữa cháy. Tuyên truyền, giáo dục về an toàn phòng cháy chữa cháy trong đơn vị.

**3.3.3.2. Các giải pháp từ phía nhà nước**

- Nâng cao chất lượng thẩm định dự án thành lập KCN và dự án đầu tư vào KCN rất cần thiết và hợp lý.

- Phải có quy định đầy đủ và hợp lý về BVMT ngay từ khâu quy hoạch phát triển KCN.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đối với phần vốn đầu tư cho xây dựng hạ tầng xử lý môi trường, hoặc hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sử dụng công nghệ ít gây tổn hại cho môi trường.

- Nhà nước cần có qui định thống nhất việc các doanh nghiệp trong KCN phải đấu nối, đưa nước thải từ doanh nghiệp vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN.

**KẾT LUẬN**

Phát triển kinh tế một cách bền vững là mục tiêu lâu dài của nền kinh tế Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, mọi ngành, mọi lĩnh vực kinh tế đều phải định hướng dự phát triển của mình theo hướng bền vững. Phát triển các KCN, KKTĐB là một trong những động lực để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của đất nước theo hướng phát triển. Phát triển KCN Điện Nam – Điện Ngọc sẽ tạo ra tiền đề vững chắc cho phát triển lực lượng sản xuất tiên

tiến trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá là một chủ trương của ban lãnh đạo tỉnh Quảng Nam. Nhờ vận dụng sáng tạo quan điểm này, KCN Điện Nam – Điện Ngọc đã thực sự có sức hút các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

Thực tế đã cho thấy KCN Điện Nam – Điện Ngọc dần đã khẳng định vai trò là cầu nối quan trọng với các KCN khác trong tỉnh, đóng góp một phần không nhỏ trong sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, nhanh chóng đưa Quảng Nam trở thành một tỉnh giàu mạnh.

Mặc dù xét trên tổng thể, phát triển KCN Điện Nam – Điện Ngọc làm cầu nối cho sự phát triển các KCN khác của tỉnh đã có một số thành công nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần phải tiếp tục hoàn thiện đó là: nhà ở công nhân chưa đưa vào sử dụng, bệnh viện...Nguyên nhân của những tồn tại này là rất nhiều nhưng tóm lại tỉnh phải có phương hướng đúng đắn để ngày càng nâng cao môi trường đầu tư trong tỉnh; đảm bảo yếu tố phát triển bền vững KCN; tăng cường hiệu quả và tính pháp chế của công tác quản lý Nhà nước về môi trường, thành lập Bộ phận thanh tra KCN nằm trong bộ máy Ban quản lý KCN nhằm thanh tra việc bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về lao động và các nội dung khác trong KCN...

Đề tài đã sử dụng phương pháp duy vật biện chứng; duy vật lịch sử; phương pháp phân tích, thống kê và so sánh. Đồng thời kết hợp sử dụng những thành quả của các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước để xây dựng phương pháp luận về định hướng phát triển và quy hoạch, về cơ chế chính sách nhằm phát triển bền vững KCN Điện Nam – Điện Ngọc làm cơ sở để phát triển các KCN khác trong tỉnh theo hướng bền vững. Đề tài đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm phát triển KCN theo hướng bền vững với mong muốn những giải pháp đó góp phần giúp KCN Điện Nam – Điện Ngọc nói chung và các KCN khác trong tỉnh nói riêng phát triển một cách bền vững, trở thành động lực mạnh thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng CNH - HĐH.